

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ GÒ CÔNG** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-8-2024  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Bành Quốc Trung;
  2. Ông Trần Công Mẫn.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Mỹ D**, sinh năm 1992;  
Địa chỉ: **Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An**; (xin vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Anh **Trần Hoàng D1**, sinh năm 1990;  
Địa chỉ: **Ấp L, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang**. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Phạm Thị Mỹ D** trình bày:*

Chị và anh **D1** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang** vào ngày 26 tháng 3 năm 2014. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu

thuần nguyên nhân là do anh **D1** không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần hàn gắn nhưng anh **D1** vẫn không sửa chữa, vợ chồng hiện tại đã ly thân với nhau, chị nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay tình cảm không còn chị **D** yêu cầu ly hôn với anh **D1**.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên **Trần Lê Anh D2**, sinh ngày 06/11/2016. Khi ly hôn chị **D** yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Trần Hoàng D1** trình bày:*

Anh thống nhất về thời gian chung sống và điều kiện kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có đôi lúc cãi nhau. Anh thừa nhận có rầy la và có đánh chị **D** nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay. Anh **D1** nhận thấy tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn tha thiết yêu vợ, thương con, nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên **Trần Lê Anh D2**, sinh ngày 06/11/2016. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý để chị **D** nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

\* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **D**.

Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **D1** có nơi cư trú tại **xã B, thành phố G** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **D** xin ly hôn với anh **D1**, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Chị **D** có đơn xin vắng mặt; anh **D1** vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị **D** chung sống với anh **D1** từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã **B**, thành phố **G**, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2014 ngày 26 tháng 03 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, chị **D** cho rằng nguyên nhân là do anh **D1** bạo lực gia đình, không lo làm ăn. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Tại phiên tòa anh **D1** vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải anh thừa nhận có đánh chị **D** nên vợ chồng hiện tại không còn sống chung. Anh **D1** không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm, trong khi chị **D** vẫn cương quyết xin ly hôn với anh. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh **D1** và chị **D** đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng anh **D1** và chị **D** vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị **D** là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **D** đối với anh **D1**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Trần Lê Anh D2**, sinh ngày 06/11/2016, khi ly hôn chị **D** yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại biên bản hòa giải anh **D1** cũng đồng ý theo yêu cầu của chị **D**, đồng ý giao cháu **D2** cho chị **D** nuôi dưỡng, cháu **D2** cũng có nguyện vọng được sống chung với chị **D** nếu anh, chị ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **D**, giao cháu **D2** cho chị **D** được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ D3.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D3 được ly hôn với anh Trần Hoàng D1.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Mỹ D3 được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trần Lê Anh D2, sinh ngày 06/11/2016. Anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D3 không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ D3 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000830 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công. Như vậy, chị D3 đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**\* Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh TG; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND TPGC;
- CC THADS TPGC;
- UBND xã Bình Đông, TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

**Nguyễn Văn Thừa**